

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 3 - 2019

V/v tranh chấp Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải

Các Hội thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng

Bà Nguyễn Thị Phú Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Vũ Linh

Ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 20/2019/QĐ-ST ngày 21 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận T, tp. Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Wu Chien Hsing**, sinh năm: 1961;

Địa chỉ: 65/1, Đông T, khóm 015, thôn Đ, Làng Đ, huyện G, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Vào năm 2018 bà và ông Wu Chien H quen biết, tìm hiểu nhau qua người mai mối, có tổ chức đám cưới tại Việt Nam, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/4/2018. Sau khi kết hôn hai người chung sống khoảng hai tuần rất hạnh phúc, ông H có làm thủ tục bảo lãnh bà T về Đài Loan nhưng không đạt, từ đó hai người thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do cách sống khác nhau và ông Wu Chien H trở về Đài Loan cho đến nay không còn liên lạc gì với bà nữa. Do không còn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông Wu Chien H. Bà trình bày giữa hai người không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Phía bị đơn Wu Chien H trình bày: Có đơn đồng ý ly hôn với bà T, được hợp thức hóa lãnh sự ngày 16/10/2018. Ông thống nhất quá trình tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, cũng như

thống nhất quá trình chung sống với nhau và phát sinh mâu thuẫn dẫn tới hôn nhân không đạt được như bà T trình bày. Ngoài ra, ông cũng thống nhất quá trình chung sống với nhau giữa hai người không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết. Đồng thời ông xin được vắng mặt, trong các lần được mời làm việc cũng như tham gia phiên tòa nếu được mời tham gia, ông cam đoan không khiếu nại gì về sau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Wu Chien H, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim T xin ly hôn với ông Wu Chien H là người có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có văn bản đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T và xin được vắng mặt khi giải quyết, xét xử vụ án. Nguyên đơn bà Tuyền cũng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu ly hôn: Thông qua người mai mối, bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện kết hôn với ông Wu Chien H và đã đăng ký kết hôn tại Việt Nam. Hai người có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, nhưng từ khi bà T phỏng vấn để sang Đài Loan không đạt, hai người thường xuyên mâu thuẫn, ông H về Đài Loan còn bà T thì sống ở Việt Nam nên không có điều kiện chung sống xây dựng gia đình hạnh phúc, cho đến nay giữa hai người không còn liên lạc gì với nhau nữa. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[4]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim .

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Wu Chien H.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu nên không xem xét trong vụ án này.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai số 001396 ngày 28/12/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Tuyên đã nộp xong án phí sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự: Bà Nguyễn Thị Kim T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo nói trên đối với ông Wu Chien H là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- UBND. Q. T;
- Cục THA.DS-TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hải